

**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

---

**GIẢNG THỊ DUNG**

**PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU VỚI  
XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở TỈNH LÀO CAI**

*Chuyên ngành* : Kinh tế phát triển

*Mã số* : 62 31 01 05

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI- 2014**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS. TS Lê Xuân Bá**  
**2. TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

*Phản biện 3:* .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại  
Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương vào hồi      giờ      ngày  
   tháng      năm 2014

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Duy trì tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao, ổn định, gắn với bảo vệ môi trường, giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội, trọng tâm là xoá đói giảm nghèo trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế luôn là vấn đề cấp thiết đối với tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Xu thế toàn cầu hoá, vấn đề hợp tác, mở cửa và hội nhập khu vực đã trở thành nhu cầu tất yếu của mỗi quốc gia. Mọi quan hệ bang giao, hợp tác được phát triển dựa trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, phát triển cùng có lợi, giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường bền vững. Điều đó đặt ra nhu cầu và đòi hỏi các quốc gia cần có chiến lược phát triển kinh tế vùng biên, đặc biệt là phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, mà tâm điểm là đầu mối giao lưu cửa khẩu biên giới đất liền thông thoáng với hệ thống giao thông, kết cấu hạ tầng thuận lợi, trên cơ sở pháp lý cùng những chính sách phát triển phù hợp.

Lào Cai - một tỉnh miền núi, biên giới, địa đầu của tổ quốc có vị trí rất quan trọng trong phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng, hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Trung Quốc. Là tỉnh có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, sản phẩm nông nghiệp hàng hoá, các ngành công nghiệp chế biến, thương mại và dịch vụ kinh tế cửa khẩu. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp, điều kiện sản xuất còn nhiều khó khăn, Lào Cai hiện vẫn là một tỉnh nghèo, thu nhập bình quân đầu người chỉ bằng 70% của cả nước. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015 đã chỉ rõ: Xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng trung du và miền núi phía Bắc, là địa bàn quan trọng về hợp tác và giao lưu quốc tế của vùng và cả nước. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng - an ninh, giữ gìn biên giới ổn định, hoà bình, hữu nghị...<sup>1</sup>.

Để thực hiện mục tiêu đó, tỉnh Lào Cai xác định xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) là khâu đột phá, là trọng điểm phát triển kinh tế của cả tỉnh. Thực tiễn cho thấy từ khi có Quyết định thành lập và đi vào hoạt động KKTCK Lào Cai bước đầu khẳng định vị thế, đóng góp của mình vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực. Trong nhiều năm liên tục, tốc

---

<sup>1</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Lào Cai, khoá XIV, nhiệm kỳ 2010 - 2015*.

độ tăng trưởng kinh tế (TTKT) của tỉnh đạt bình quân 14%; tốc độ tăng bình quân về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) đạt 27,6%/năm; thu ngân sách tại KKTCK tăng nhanh, bình quân thời kỳ 2006-2010 đạt 29,4%, riêng năm 2013 đạt 1.870 tỷ đồng; chiếm 38% tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh. Phát triển KKTCK đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 3-5%/năm; năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh là 22,21%, giảm 20,78% so với năm 2010.

Việc nâng cao hiệu quả phát triển KKTCK với xoá đói, giảm nghèo là vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội trọng tâm, cấp bách hiện nay và trong tương lai của nước ta, đặc biệt đối với một tỉnh biên giới, vùng cao, miền núi, nhiều đồng bào dân tộc và còn nghèo như tỉnh Lào Cai thì càng có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc, là vấn đề thời sự cấp thiết trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương, bảo đảm an ninh biên giới, bảo vệ lợi ích quốc gia một cách bền vững. Đó là lý do nghiên cứu sinh chọn đề tài "***Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu với xoá đói, giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai***" làm luận án tiến sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế phát triển.

## **2. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích tổng quát**

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan và đánh giá thực trạng phát triển KKTCK với xoá đói giảm nghèo tại tỉnh Lào Cai thời gian qua, luận án đề xuất một số định hướng, giải pháp chủ yếu đó là căn cứ lý luận, cơ sở thực tiễn tiếp tục phát triển KKTCK gắn với xoá đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Hệ thống hoá, làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về KKTCK, xoá đói giảm nghèo (XDGN) và đặc biệt là mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với XDGN.

- Nghiên cứu kinh nghiệm của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc về phát triển KKTCK gắn với XDGN, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Lào Cai.

- Phân tích thực trạng phát triển KKTCK, XDGN và mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với XDGN ở Lào Cai.

- Đề xuất một số quan điểm, định hướng và giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển KKTCK Lào Cai gắn với XDGN trên địa bàn tỉnh.

### **2.3. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là lý luận và thực tiễn quan hệ giữa phát triển KKTCK với XDGN; để làm rõ nội dung mối quan hệ trên, nghiên cứu sinh nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phát triển KKTCK, XDGN.

## **2.4. Phạm vi nghiên cứu**

- *Không gian*: Địa bàn nghiên cứu là tỉnh Lào Cai.

- *Thời gian*: Nghiên cứu phát triển KKTCK Lào Cai từ khi thành lập (1998) đến nay, tuy nhiên do những năm đầu mới thành lập chỉ tập trung cho công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng KKTCK, do đó các số liệu chủ yếu được thu thập từ năm 2006 đến năm 2013, đề xuất, kiến nghị cho đến năm 2020.

- *Nội dung*: Phát triển KKTCK và XDGN có nội dung rất rộng, luận án chỉ tập trung nghiên cứu về:

+ Vấn đề quy hoạch phát triển KKTCK và một số chính sách phát triển KKTCK (Chính sách thu hút đầu tư; chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; chính sách phát triển thương mại, xuất nhập khẩu (XNK); chính sách XNC, du lịch và dịch vụ... )

+ Mối quan hệ một chiều giữa phát triển KKTCK với XDGN thông qua 5 kênh (TTKT và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thực hiện các chính sách phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân; phân phối lại nguồn thu từ KKTCK để lại đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KKTCK; phát triển kết cấu hạ tầng KKTCK).

+ Xoá đói, giảm nghèo là cụm từ được dùng thông dụng ở Việt Nam, các chính sách xoá đói, giảm nghèo thường đi liền với nhau. Tuy nhiên, trong luận án nghiên cứu sinh chỉ tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với giảm nghèo là chính, các số đo chủ yếu là tỷ lệ giảm nghèo.

## **3. Phương pháp nghiên cứu luận án**

- *Cách tiếp cận nghiên cứu*:

+ Luận án sử dụng cách tiếp cận hệ thống biện chứng logic và lịch sử để xem xét mối quan hệ (một chiều) giữa chính sách phát triển KKTCK với XDGN.

+ Luận án nghiên cứu từ những vấn đề lý luận vào thực tế, tìm ra các nút thắt, các cản trở trong chính sách phát triển KKTCK có tác động không tốt tới việc XDGN, đề trên cơ sở đó có những đề xuất căn cứ khoa học cho thời gian tới.

- *Phương pháp nghiên cứu*:

+ Nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp tài liệu, số liệu báo cáo từ các ban ngành, địa phương của tỉnh Lào Cai.

+ Phương pháp thống kê, phương pháp so sánh đối chứng, so sánh trước sau và phân tích thực chứng, phân tích hệ thống, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp, dữ liệu thứ cấp qua báo cáo của UBND tỉnh và các

ngành tỉnh Lào Cai. Luận án còn kế thừa các công trình, bài viết và sử dụng tài liệu thứ cấp có liên quan đến phát triển KKTCK.

+ Phương pháp khảo sát bằng phiếu với lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế (KKT) Lào Cai, lãnh đạo huyện uỷ, Ủy ban nhân dân các huyện trong KKTCK và có cửa khẩu phụ (30 phiếu khảo sát nhà quản lý, 30 phiếu khảo sát doanh nhân, tiểu thương đang kinh doanh trong KKTCK.

+ Phương pháp phỏng vấn đối với 50 lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo các huyện giáp biên giới, lãnh đạo Ban Quản lý KKT, doanh nhân, người dân và lao động đang làm việc tại KKTCK. Kết quả của XĐGN do tác động của nhiều chính sách, một số kết quả của luận án không đo được bằng định lượng thì luận án sử dụng phương pháp phỏng vấn định tính.

+ Phương pháp tham vấn ý kiến chuyên gia hàng đầu về vấn đề nghiên cứu.

#### **4. Đóng góp mới của luận án**

- Bổ sung, và làm phong phú thêm lý luận, thực tiễn về phát triển KKTCK, XĐGN, góp phần giải quyết một số vấn đề có tính thời sự, cấp thiết hiện nay là làm thế nào để phát huy tác động tích cực của phát triển KKTCK với XĐGN trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

- Nâng cao nhận thức lý luận về phạm trù phát triển KKTCK trong mối quan hệ với xoá đói, giảm nghèo, trong tổng thể chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tạo khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn hoạch định, xây dựng và thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và một số khu vực lân cận.

- Nghiên cứu thực trạng phát triển KKTCK với XĐGN trên địa bàn tỉnh Lào Cai hiện nay, tìm ra các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất quan điểm, định hướng, giải pháp đẩy mạnh phát triển KKTCK trên địa bàn tỉnh Lào Cai gắn với thực hiện mục tiêu XĐGN đến năm 2020.

- Sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu và quản lý ở các cơ quan hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, công tác nghiên cứu và đào tạo thuộc các Viện, Trường về lĩnh vực kinh tế.

#### **5. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, một số phụ lục, danh mục các bảng, biểu, chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm 4 chương, 14 tiết.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Mục tiêu của chương này nghiên cứu các công trình liên quan đến đề tài nhằm xác định những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển, từ đó chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về KKTCK với XĐGN.

Để đảm bảo tính kế thừa và khẳng định những đóng góp của luận án, luận án chia các công trình nghiên cứu liên quan thành: Các công trình nghiên cứu về phát triển KKTCK; Về XĐGN. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có các công trình nghiên cứu về tác động của phát triển KKTCK đến phát triển kinh tế xã hội, thực trạng phát triển KKTCK biên giới, các công trình nghiên cứu về XĐGN, chưa có công trình nào nghiên cứu về phát triển KKTCK với XĐGN.

Bên cạnh những kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án nêu trên, đến nay vẫn còn nhiều khoảng trống liên quan đến đề tài luận án vẫn chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo, sáng tỏ. Chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về lý luận phát triển KKTCK, mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với XĐGN. Ở tỉnh Lào Cai, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá thực trạng phát triển KKTCK với XĐGN và đề xuất quan điểm, định hướng cũng như các giải pháp thực hiện đến năm 2020.

Trên cơ sở kế thừa và tiếp thu kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, việc bổ sung vào khoảng trống các vấn đề nghiên cứu còn bỏ ngỏ để hoàn thiện thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển KKTCK với XĐGN được luận án xác định là hướng phát triển nghiên cứu tiếp theo, đó là:

- *Về cách tiếp cận*: luận án nghiên cứu mối quan hệ một chiều giữa phát triển KKTCK với XĐGN, chứ không nghiên cứu mối quan hệ giữa XĐGN đến phát triển KKTCK.

- *Về mặt lý luận*: Luận án tổng quan làm rõ thêm cơ sở lý luận về phát triển KKTCK. Cụ thể, luận án sẽ làm rõ: (i) Khái niệm KKTCK, phát triển KKTCK; (ii) Nội dung của phát triển KKTCK; (iii) Phân tích, làm rõ mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với XĐGN.

- Về mặt thực tiễn:

(i) Luận án nghiên cứu kinh nghiệm phát triển KKTCK với XĐGN của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, qua đó rút ra bài học cho tỉnh Lào Cai.

(ii) Luận án phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa phát triển KKTCK với XĐGN ở tỉnh Lào Cai trên cơ sở lý luận đã được trình bày ở Chương 2.

(iii) Luận án đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển KKTCK gắn với XĐGN ở tỉnh Lào Cai đến năm 2020.



## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU VỚI XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO

Mục tiêu của chương 2 là nhằm hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển KKTCK với XĐGN. Để đạt được mục tiêu này, chương 2 đề cập tới những vấn đề sau:

### 2.1 Lý luận về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

#### 2.1.1 Một số khái niệm

Từ việc kế thừa các khái niệm về KKTCK của các tác giả đã nghiên cứu trước và phân tích nội hàm các khái niệm, đồng thời qua nghiên cứu trên thực tiễn tại KKTCK Lào Cai, theo tác giả, *Khu kinh tế cửa khẩu là một không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu, được cấp có thẩm quyền ra quyết định thành lập, được áp dụng các chính sách riêng để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, giao lưu kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp giữa hai nước nhằm thu lợi ích từ hội nhập, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ an ninh biên giới.*

Tác giả cho rằng *phát triển Khu kinh tế cửa khẩu là sự mở rộng không gian kinh tế cả về chiều rộng và chiều sâu, đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường các hoạt động trao đổi thương mại gắn với tạo việc làm cho địa phương, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại và phát triển bền vững kinh tế xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới.*

#### 2.1.2 Nội dung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu

##### 2.1.2.1 Các điều kiện hình thành Khu kinh tế cửa khẩu

- Có cửa khẩu quốc tế hoặc cửa khẩu chính và có phạm vi lãnh thổ đủ đất xây dựng KKTCK.

- Có lịch sử giao thương và có yêu cầu phát triển giao thương cả trong các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

- Có điều kiện gắn kết giữa phát triển kinh tế với việc giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia tại khu vực biên giới; phát triển kinh tế gắn kết với bảo vệ môi trường.

- Thu hút và tạo điều kiện sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước.

- Yêu cầu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch phát triển các vùng kinh tế - xã hội đối với hình thành và phát triển các KKTCK.

- Chính sách đối ngoại và quan hệ kinh tế - chính trị của các nước láng giềng với nhu cầu đẩy mạnh hợp tác giao thương, đầu tư với nước ta qua KKTCK.

### 2.1.2.2 Đặc điểm, vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu

- Phát triển KKTCK nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh tế thương mại, du lịch qua biên giới làm tăng sự hiểu biết lẫn nhau về văn hoá giữa các nước, từ đó cải thiện an ninh biên giới, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia và quốc tế.

- Phát triển KKTCK sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác các nước láng giềng và vươn tới các nước khác.

- Phát triển KKTCK tạo điều kiện tăng cường buôn bán tiểu ngạch qua biên giới.

- Phát triển KKTCK vì đồng bào dân tộc góp phần thực hiện các chính sách ưu đãi đối với nhân dân vùng biên giới, góp phần xoá đói, giảm nghèo.

- Phát triển KKTCK đảm bảo củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh, ổn định xã hội ở vùng biên giới quốc gia.

### 2.1.2.3 Nội dung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu

*Thứ nhất*, phát triển không gian lãnh thổ kinh tế và dân cư tại KKTCK.

*Thứ hai*, KKTCK được áp dụng các chính sách riêng về thương mại, XNK, xuất nhập cảnh (XNC), du lịch, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, phân phối lại nguồn thu từ KKTCK đầu tư trở lại KKTCK...

## 2.2 Một số vấn đề về xoá đói giảm nghèo

### 2.2.1 Một số khái niệm

Theo quan điểm của WB: *Nghèo* là tình trạng thiếu thốn ở nhiều phương diện. Thu nhập hạn chế hoặc thiếu cơ hội tạo thu nhập, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng trong những lúc khó khăn và dễ bị tổn thương trước những đột biến bất lợi, ít có khả năng truyền đạt nhu cầu và những khó khăn tới những người có khả năng giải quyết, ít được tham gia vào quá trình quyết định, cảm giác bị sỉ nhục, không được người khác tôn trọng...

Tại Hội nghị về xoá đói, giảm nghèo khu vực châu Á - Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tháng 9/1993 tại Băng Cốc (Thái Lan), Uỷ ban kinh tế - xã hội châu Á - Thái Bình Dương đã đưa ra khái niệm nghèo như sau: Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người (ăn, mặc, ở, nhu cầu văn hoá, y tế, giáo dục và giao tiếp...) để duy trì cuộc sống, mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận.

Như vậy, ở góc độ nước nghèo, *giảm nghèo ở nước ta là từng bước thực hiện quá trình chuyển từ trình độ sản xuất kém phát triển, sang trình độ sản xuất hiện đại. Ở góc độ người nghèo, giảm nghèo là quá trình tạo điều*